

NHỮNG NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN LÀM CHO TIẾNG ANH CÓ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á HẢI ĐẢO

NGUYỄN THỊ VÂN*

Trái qua quá trình lịch sử lâu dài, các ngôn ngữ nước ngoài du nhập vào các quốc gia Đông Nam Á hải đảo chủ yếu là tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Hà Lan, tiếng Ấn Độ, tiếng Ả Rập... nhưng thứ tiếng có vai trò và ảnh hưởng lớn nhất chính là tiếng Anh. Tiếng Anh với mức độ cao nhất trở thành ngôn ngữ quốc gia thứ hai ở Philippin, là ngôn ngữ chính thức ở Xingapo và là ngoại ngữ số một ở Indônêxia. Vậy thì những lý do gì đã làm cho tiếng Anh có vị trí quan trọng như vậy ở các nước này. Theo chúng tôi có những nguyên nhân cơ bản sau:

1. Trước hết, chúng ta hãy nhìn lại quá trình lịch sử của các quốc gia Đông Nam Á hải đảo. Về cơ bản, cuối thế kỷ 19 các quốc gia Đông Nam Á hải đảo đều rơi vào tay các nước tư bản phương Tây, bị xâm chiếm và đô hộ trong một khoảng thời gian dài. Tuy

theo tình hình cụ thể ở mỗi nước mà quá trình đô hộ của thực dân phương Tây của mỗi nước diễn ra sớm hay muộn, nhanh hay chậm và các quốc gia này đã trải qua ách thống trị của nhiều đế quốc khác nhau. Nhưng thực dân Anh và đế quốc Mỹ thống trị lâu nhất và đã để lại những ảnh hưởng đậm nét nhất kéo dài cho đến cuối thế kỷ 20 ở các quốc gia này.

Trong số các quốc gia Đông Nam Á hải đảo, Indônêxia là quốc gia bị thực dân phương Tây đô hộ đầu tiên. Ngay từ đầu những năm 1511 các thương nhân Bồ Đào Nha đã chú ý tới Indônêxia. Năm 1595, Jakarta rơi vào tay Hà Lan. Cho đến năm 1811, Indônêxia bị Anh xâm chiếm và đến năm 1814 lại hoàn toàn trở thành thuộc địa của Hà Lan. Philippin đã từng là thuộc địa của Tây Ban Nha hơn 300 năm từ thế kỷ 16 (1564), đến thế kỷ 20 (1902) bị rơi hoàn toàn vào tay đế quốc Mỹ. Malaixia bị

*ThS. Nguyễn Thị Vân, Khoa Đông Phương học, Đại học KHXH&NV.

người Bồ Đào Nha đến xâm lược và thống trị trên đất nước này trên một trăm năm (1511-1641). Sau đó, Hà Lan thế chân Bồ Đào Nha. Cuối cùng là thực dân Anh, mặc dù đến muộn nhất nhưng Anh lại thống trị lâu nhất và có ảnh hưởng nhất trong lịch sử Malaixia. Mảnh đất bé nhỏ Brunei, sau bao nhiêu năm bị Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan và đế quốc Mỹ để mắt tới, cuối cùng ngày 17 tháng 9 năm 1888 hoàn toàn trở thành thuộc địa của Anh, cùng chịu chung số phận như Malaixia. Như vậy, tuy thực dân Anh không phải là người xâm lược đầu tiên nhưng lại có mặt ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á hải đảo. Đó là một lý do rất cơ bản làm cho tiếng Anh có vị trí ở các quốc gia này.

2. Chính sách truyền bá và mở rộng ảnh hưởng của tiếng Anh của thực dân Anh và đế quốc Mỹ

Như trên đã nói, trước khi có sự xâm chiếm của người Anh và người Mỹ, các quốc gia ở Đông Nam Á hải đảo đã từng bị các đế quốc hùng mạnh đô hộ trong một thời gian dài. Người Anh và người Mỹ không phải là những kẻ cai trị duy nhất ở đây. Tuy nhiên, tiếng Anh lại có một vai trò vô cùng quan trọng ở các quốc gia này, được tuyên bố là một trong các ngôn ngữ quốc gia hay ngôn ngữ chính thức chứ không phải là các thứ tiếng nước ngoài khác như tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... Đó là do sự truyền bá và mở rộng ảnh hưởng của tiếng Anh của thực dân Anh và đế quốc Mỹ.

Xét về mức độ phổ biến tiếng nước ngoài thì tiếng Anh phổ biến ở khu vực Đông Nam Á hải đảo hơn cả. Sau khi người Bồ Đào Nha rời khỏi Malaixia, người Tây Ban Nha rời khỏi Philippin, người Hà Lan rời khỏi Indônêxia, địa bàn sử dụng tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và tiếng Hà Lan lập tức bị co hẹp lại (hiện tại chỉ có 4000 người ở Philippin coi tiếng Tây Ban Nha là tiếng mẹ đẻ). Trong suốt thời gian cai trị, ngôn ngữ của họ chỉ có chức năng trong một phạm vi xã hội hẹp, không lan truyền trở thành một ngôn ngữ chung cho toàn xã hội.

Vào thời kỳ hoàng kim của đế chế Bồ Đào Nha ở Malacca, tiếng Bồ Đào Nha cũng chỉ được sử dụng trong nội bộ giai cấp thống trị, còn thứ tiếng được sử dụng bởi những người Bồ Đào Nha định cư ở Malacca và những người Bồ Đào Nha kết hôn với những người ở các cộng đồng khác (nhất là người Trung Quốc và người Ấn Độ) chẳng qua là tiếng Bồ Đào Nha "bồi". Hơn nữa, người Hà Lan, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha là những kẻ đi chinh phục theo đúng nghĩa của nó. Họ không có ý định giáo dục người dân đi theo những mục tiêu của họ. Người Bồ Đào Nha, mặc dù đã truyền bá đạo Thiên chúa, đặc biệt là Cơ đốc giáo La Mã, nhưng nên giáo dục phổ thông không đi theo trật tự thời đại. Trong khi đó, người Anh đã rất khôn khéo trong việc đưa ngôn ngữ thống trị của mình vào tầng lớp nhân dân mà thiết thực nhất là vào hệ thống giáo dục ở các nước bị đô hộ. Bởi vì, một ngôn ngữ

muốn được phổ biến thì không có cách nào khác là ngôn ngữ đó phải trở thành ngôn ngữ giáo dục. Người Anh phổ biến hệ thống trường công dạy bằng tiếng Anh. Họ còn lập ra các trường học dành riêng cho nam và nữ và thông qua các trường này một tầng lớp người Melayu nói tiếng Anh ra đời. Người Anh còn đưa một số con em của các gia đình quý tộc Melayu sang đào tạo trong các trường của Anh, khuyến khích những học sinh ưu tú ở các trường công vào học các trường cao cấp hơn ở Anh... Chỉ với một nền giáo dục bằng tiếng Anh, người dân thuộc mọi chủng tộc ở Malaixia mới có hy vọng kiếm được việc làm với mức cao của chính phủ.

Còn người Mỹ, sau khi vào Philippin năm 1898, họ đã ráo riết thi hành chiến dịch nhằm truyền bá và mở rộng phạm vi hoạt động của tiếng Anh ở đây. Tiếng Tây Ban Nha và các thứ tiếng bản địa khác lập tức bị đưa ra khỏi hệ thống giáo dục, thay vào đó là tiếng Anh. Đỉnh cao của chiến dịch giáo dục bằng tiếng Anh là những năm 20 và đầu những năm 30 của thế kỷ 20. Học bằng tiếng Anh là điều bắt buộc và là nội dung chính của chương trình giáo dục. Chẳng hạn như, học sinh ở những lớp nhỏ phải học 5 giờ tiếng Anh một ngày và 5 ngày tiếng Anh một tuần. Học sinh phải nghe, nói, đọc, viết và tư duy bằng tiếng Anh. Cho nên, sau khi được người Mỹ trao trả độc lập vào năm 1946, tiếng Anh ở Philippin vẫn giữ vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nền độc lập mà Philippin giành

được chỉ là trên danh nghĩa. Ảnh hưởng của Mỹ vẫn kéo dài đối với đất nước này cho tới tận những năm gần đây. Đây là điều mà các thứ tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan không thể làm được.

3. Sự truyền bá tiếng Anh đã tạo điều kiện cho tiếng Anh ngày càng đi sâu vào đời sống xã hội của người dân. Vì thế đã tạo nên một cơ sở xa hội vững chắc của nó. Trong khi đó, do bị kìm hãm quá lâu trong thời kỳ thuộc địa nên ngôn ngữ bản địa, cụ thể là ngôn ngữ quốc gia: tiếng Melayu và tiếng Tagalog đã thiếu đi những tiềm chất xã hội ngôn ngữ học, chưa có một hệ thống ngữ pháp, chính tả cần và đủ, chưa có một hệ thống thuật ngữ cho các ngành nghề quan trọng của đất nước như các ngành công nghiệp, ngành luật, ngành y dược... Điều này khiến cho tiếng Anh càng có chỗ đứng vững chắc ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo, trở thành phương tiện thông tin nắm bắt những kiến thức khoa học và kỹ thuật trên thế giới hiện nay. Các hoạt động nghiên cứu và phát triển tiếng Melayu và tiếng Tagalog trở thành các ngôn ngữ hoàn chỉnh vẫn đang được tiến hành. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, nhiều thuật ngữ tiếng nước ngoài như tiếng Anh, tiếng Hà Lan... trong đó chủ yếu là tiếng Anh vẫn được các nước Đông Nam Á hải đảo sử dụng.

4. Về mặt xã hội tộc người, tiếng Anh có vị trí quan trọng ở các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cũng có nguyên nhân tâm lý của nó. Do tiếng Melayu ở Malaixia, Indônêxia, Xingapo,

Brunây Darussalam và tiếng Tagalog ở Philippin không phải tiếng mẹ đẻ của đa số dân tộc ở các quốc gia này nên khi tiếng Melayu và tiếng Tagalog được chọn làm ngôn ngữ quốc gia đã dẫn tới nguy cơ xảy ra xung đột dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Ở Philippin, tiếng Tagalog mặc dù được cộng nhận là ngôn ngữ quốc gia, nhưng nó chỉ là thứ tiếng của nhóm tộc người có số lượng lớn nhất. Cho nên, khi tiếng Tagalog được thừa nhận về mặt luật pháp là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ giao tiếp giữa các dân tộc đã có nhiều ý kiến chống đối từ phía các nhóm tộc người nói các thứ tiếng khác mà đặc biệt là tộc người Sêbuano. Thậm chí đã có nhiều yêu sách đòi ngôn ngữ quốc gia phải là sự kết hợp của tất cả các ngôn ngữ Philippin. Đặc biệt cần phải nói tới cái gọi là “chiến tranh ngôn ngữ” do nhà báo, nhà chính trị cực đoan Hêrunxiô Lacuêchta khởi xướng vào những năm 80 nhằm xây dựng một ngôn ngữ mới lấy tên là Pilipino. Thực chất từ vựng của thứ tiếng này là sự hỗn hợp các thứ tiếng Tagalog, Anh, Tây Ban Nha và một vài ngôn ngữ dân tộc khác. Ngoài ra, từ những năm 60 còn có hàng loạt các bài báo của các nhà chính trị và nhà báo chống lại tiếng Tagalog. Nhiều người cho rằng, việc chọn tiếng Tagalog làm cơ sở của ngôn ngữ quốc gia đã mở đầu cho xung đột ngôn ngữ dẫn tới xung đột dân tộc, đảm bảo sự ổn định về chính trị văn hoá trên cơ sở hỗ trợ của ngôn ngữ quốc gia, chính phủ Phipines đã chọn giải pháp cho phép sử dụng một ngôn ngữ bản địa và tiếng Anh với tư

cách ngôn ngữ quốc gia, nhưng ngầm tạo điều kiện chia các liên kết chức năng giữa chúng. Tiếng Anh đảm bảo việc thông tin trong cả nước và sự thống nhất chính trị. Tiếng Tagalog nhằm mục đích giáo dục các giá trị truyền thống về đạo đức, văn hoá, xã hội và tạo khả năng thống nhất về mặt văn hoá.

Tình hình ở Malaixia càng thặng hơn nhiều. Việc tuyên bố tiếng Melayu trở thành ngôn ngữ quốc gia đã gây nên làn sóng phản đối trong tất cả các nhóm dân tộc không phải người bản xứ bao gồm cả hai tộc người lớn nhất Malaixia là người Trung Quốc và người Ấn Độ, đặc biệt là người Trung Quốc. Người Trung Quốc tuy không phải là tộc người bản địa nhưng họ lại chiếm một tỉ lệ lớn về dân số (33,7%) và nắm giữ các vị trí then chốt trong nền kinh tế Malaixia. Bản thân người Trung Quốc cũng muốn mở rộng quyền lợi chính trị và các quyền lợi khác. Người Melayu, mặc dù là tộc người bản địa, nhưng họ chỉ nắm giữ về chính trị và tất nhiên họ không hài lòng với địa vị của mình. Họ muốn thực sự trở thành chủ nhân trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, ngôn ngữ... đặc biệt nắm giữ được các vị trí kinh tế quan trọng như người Trung Quốc.

Sau khi tiếng Melayu được tuyên bố là ngôn ngữ quốc gia và được hưởng quy chế chính thức đã gây nên sự bất bình rất lớn từ người Trung Quốc. Họ đòi ban hành địa vị và quy chế cho tiếng Trung Quốc của họ ngang hàng với tiếng Melayu. Và vào ngày 13 tháng 5 năm 1969 cuộc xung đột dân tộc lớn nhất

trong lịch sử Malaixia giữa người Melayu và người Trung Quốc đã nổ ra. Xung đột này thực sự đã trở thành thảm kịch mang tính dân tộc chủ nghĩa, đã làm cho nhiều người chết, thậm chí dẫn đến sự tạm đình chỉ hoạt động của nghị viện. Người Trung Quốc của Malaixia ủng hộ thuyết đa nguyên ngôn ngữ giống như mô hình đang được áp dụng tại Xingapo để nhằm nâng cao địa vị tiếng Trung Quốc với tiếng Melayu. Họ không muốn sử dụng tiếng Melayu làm phương tiện giao tiếp trong cộng đồng họ. Họ không muốn bị đồng hoá. Họ muốn giữ gìn bản sắc dân tộc, cụ thể là ngôn ngữ dân tộc mình. Cho nên người Trung Quốc thà giao tiếp với nhau bằng tiếng Anh hoặc phá vỡ hoàn toàn giao tiếp hơn là nói bằng tiếng Melayu mà họ có thể dùng. Vì vậy trong giai đoạn đầu giành được độc lập, chính phủ Malaixia đã thi hành chính sách song ngữ Melayu - Anh làm công cụ đoàn kết thống nhất dân tộc, là giải pháp hữu hiệu nhất để giữ gìn sự ổn định xã hội và giúp cho đất nước phát triển.

Hiện nay, xu thế hội nhập, liên kết hợp tác giữa các khu vực trên thế giới trở thành xu thế tất yếu và được đặt ra mạnh mẽ trong quá trình phát triển các dân tộc. Các quốc gia Đông Nam Á hải đảo cũng không nằm ngoài xu thế này. Họ đã thi hành chính sách mở cửa đối với nước ngoài. Điều này khiến cho vai trò của tiếng Anh ngày càng tăng mạnh. Ngay đối với Indônêxia, mặc dù chưa từng là thuộc địa thực sự của Anh hay của Mỹ nhưng sau năm 1965 khi tư bản

nước ngoài được phép vào Indônêxia, một dòng thác các đại diện giới kinh doanh châu Âu, Mỹ, Úc, Nhật... đã tràn vào, làm địa vị của tiếng Anh tăng mạnh. Nếu những năm 1950 tiếng Hà Lan được xem là có uy tín thì đến những năm 70 tiếng Hà Lan bị tiếng Anh thay thế hoàn toàn. Rõ ràng tiếng Anh được sử dụng vì giá trị hữu dụng của nó. Chừng nào chính sách mở cửa đối với tư bản nước ngoài vẫn được tiến hành thì uy tín tiếng Anh vẫn rất cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khuê, Tiếng Anh - Vai trò và sự phát triển ở khu vực Đông Nam Á, Nghiên cứu Đông Nam Á.
2. Nguyễn Khuê, Chính sách ngôn ngữ ở các nước Đông Nam Á hải đảo, Ngôn ngữ trong xã hội công nghiệp hoá, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội 1996.
3. Nguyễn Thị Vân, Bối cảnh và chính sách ngôn ngữ ở Malaixia, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 2001.
4. Nguyễn Thị Vân, Hệ thống đa ngữ ở Malaixia, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á số 5.
5. Asmah Haji Omar, Language and society in Malaixia, Dewan Bahasa dan Pustaka Kementerian Pelajaran Malayssia, Kuala Lumpur 1982.
6. Abdullah Hassan, Language planning in Southeast ASIA, Dewan Bahasa dan Pustaka Ministry of Education, Kuala Lumpur 1994.